CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Phát triển đô thị Từ Liêm

Ngày 31/03/2025	16,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần *Q1/25*
3.48 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼17.8| -83.7%
YoY: ▼33.3| -90.5%

LN thuần *Q1/25*
13.5 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 7.17| 113%
YoY: ▲ 7.04| 109%

LN sau thuế *Q1/25*
6.35 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 54.4| 113%
YoY: ▲ 1.07| 20.3%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
260%
YoY: +/-▲ 297%

ROE (TTM) *Q1/25*
37.7%
YoY: +/-▼ 0.2%

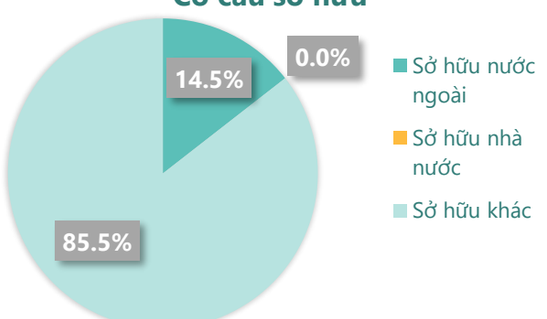
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,150 - 26,615
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,013
Số lượng CPLH (CP)	121,979,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,071,585
Sở hữu nước ngoài	14.5%
Beta	
EPS	4,990
P/E	3.3

DT thuần *2024*
1,441 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 527| 57.7%

LN thuần *2024*
853 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 375| 78.6%

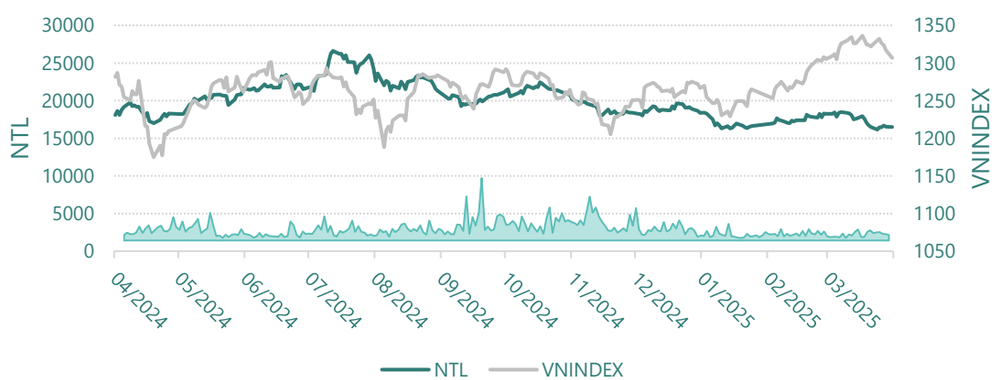
LN sau thuế *2024*
620 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 256| 70.3%

Cơ cấu sở hữu

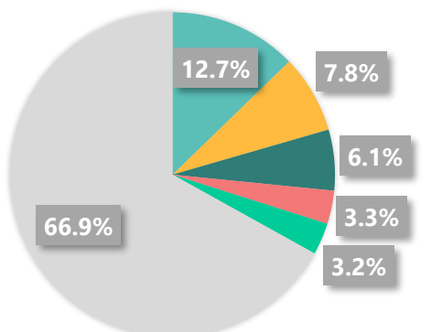


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

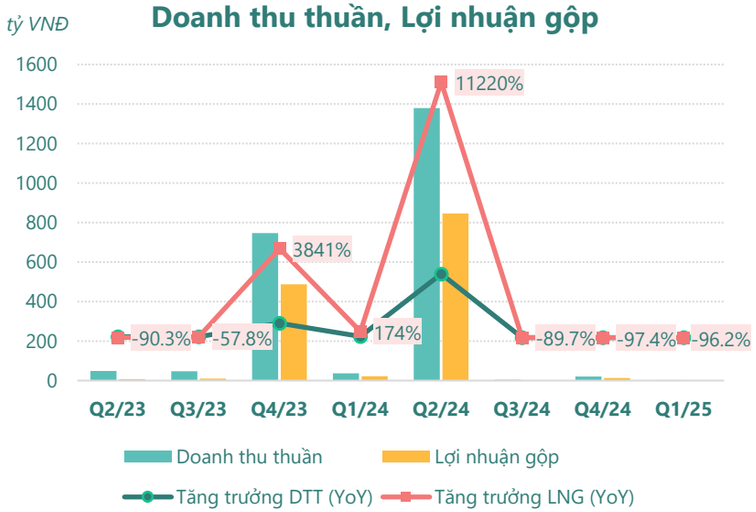


Đinh Quang Chiến (Phó Chủ tịch HĐQT)
PYN Elite Fund (Non-Ucits)
Vũ Gia Cường (Thành viên HĐQT)
Lê Minh Tuân (Chủ tịch HĐQT)
Nguyễn Thị Mai
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

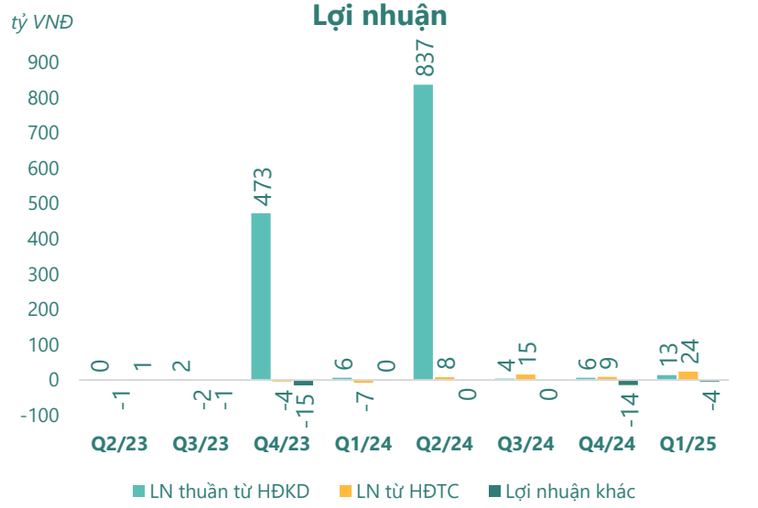
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



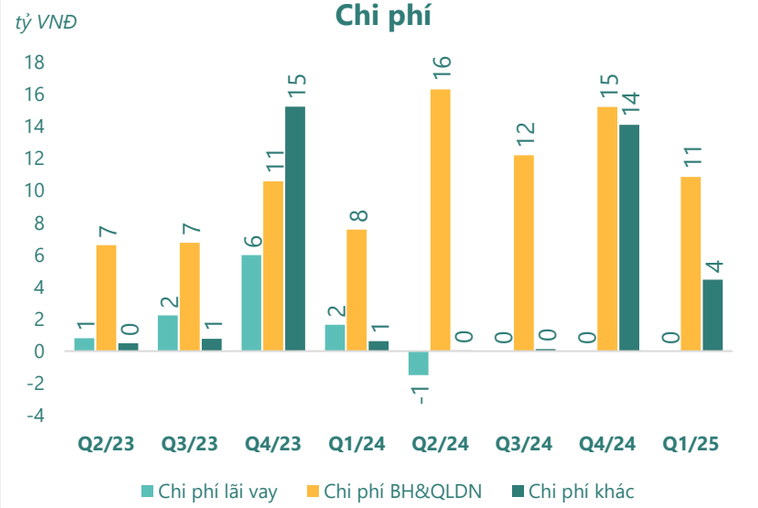
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



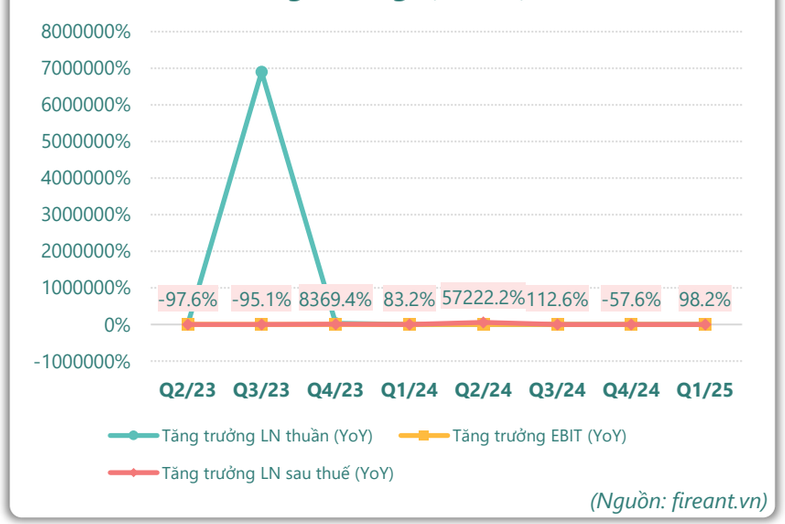
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



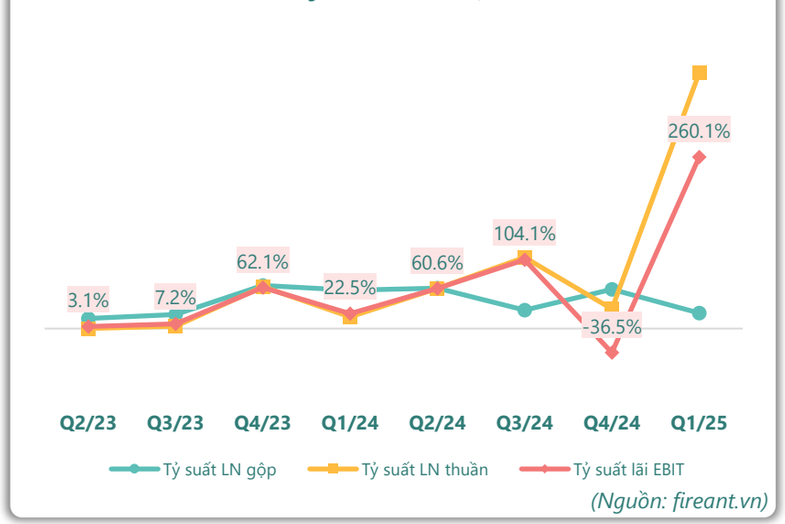
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



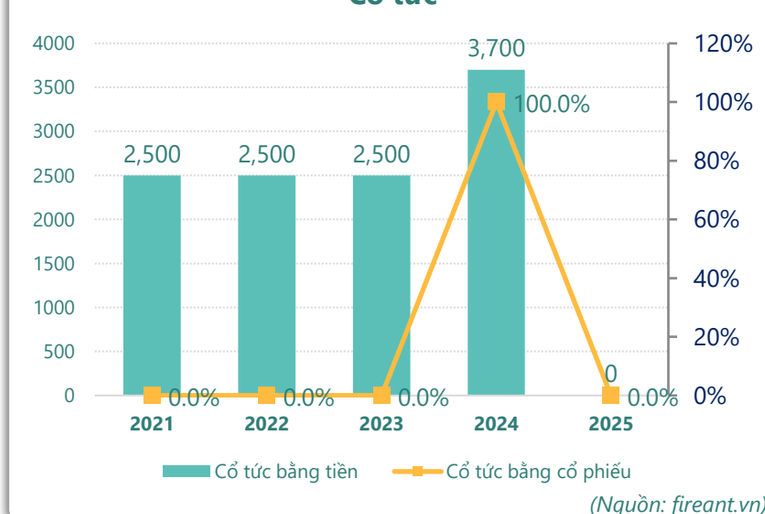
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

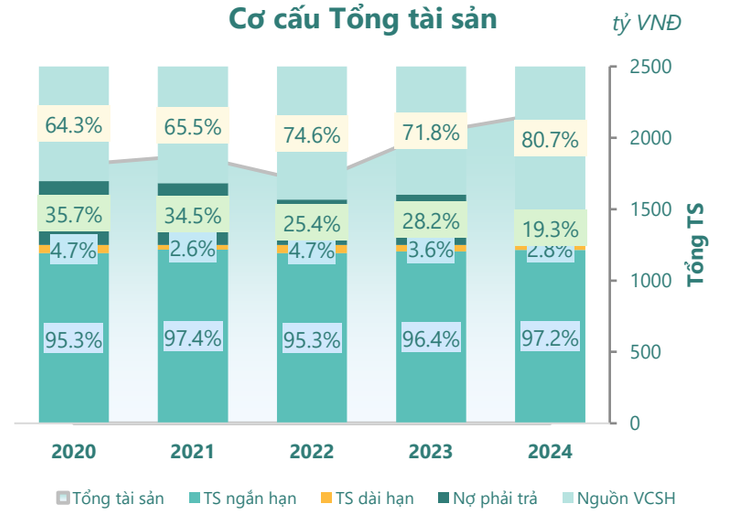
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

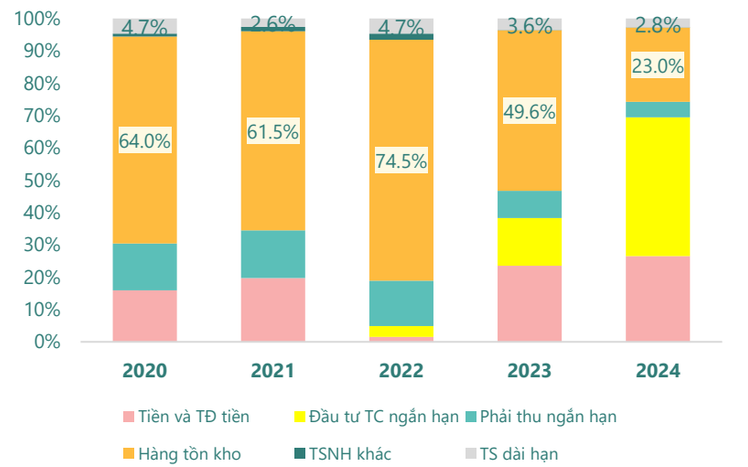
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



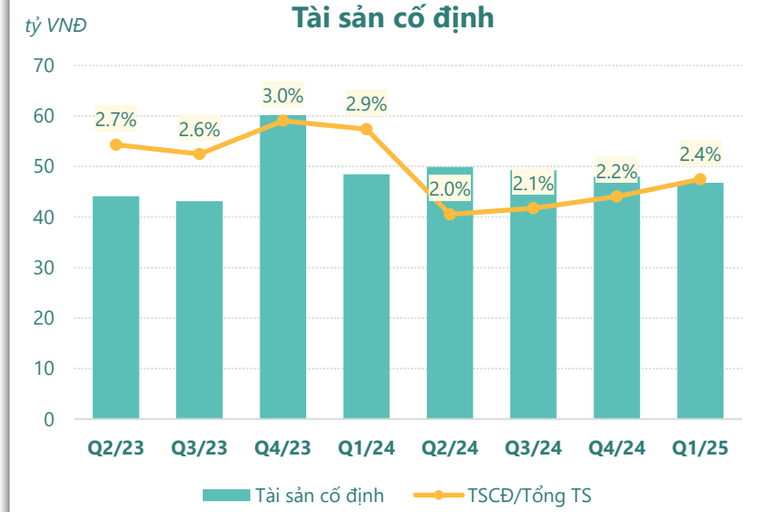
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



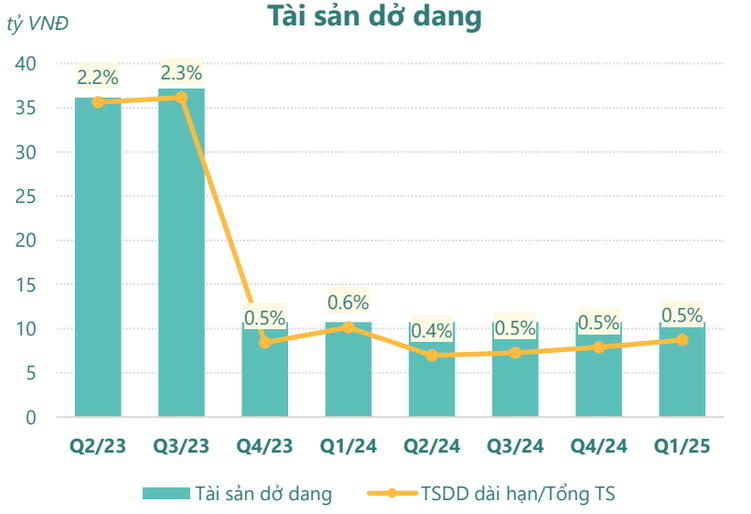
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



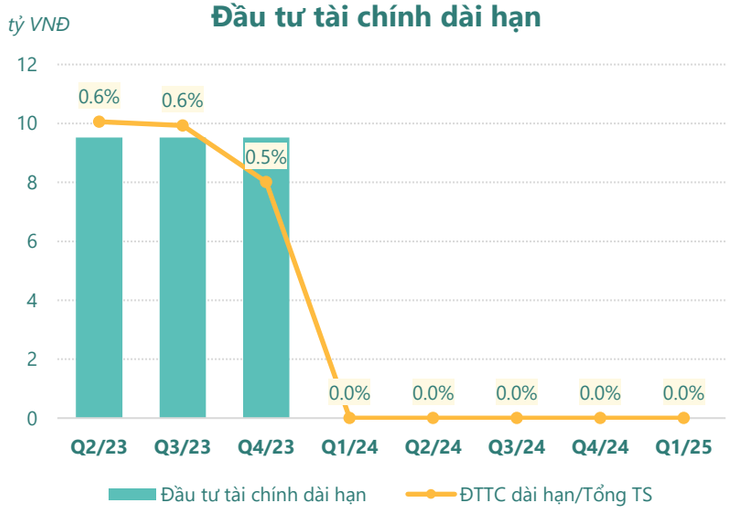
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



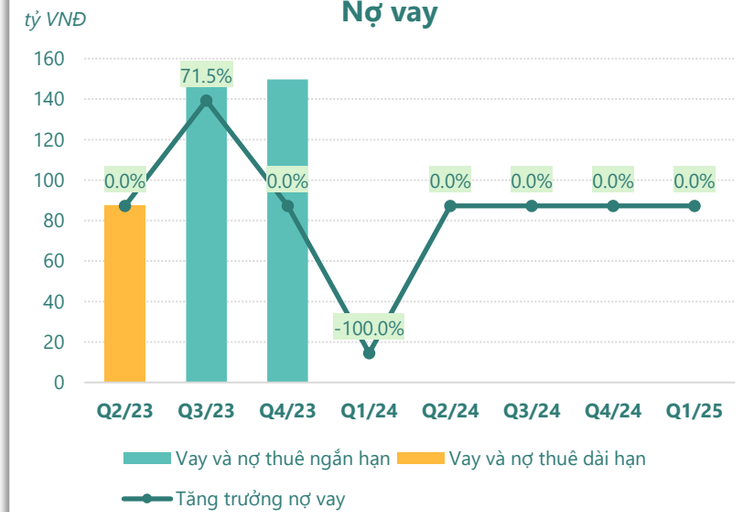
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

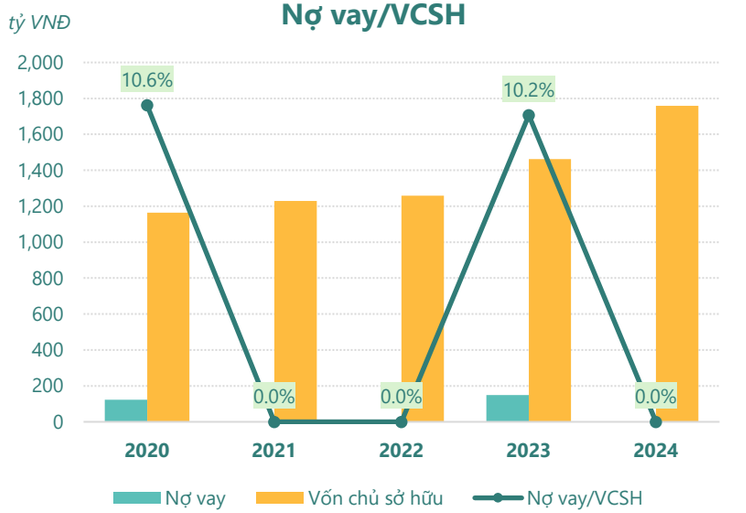
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

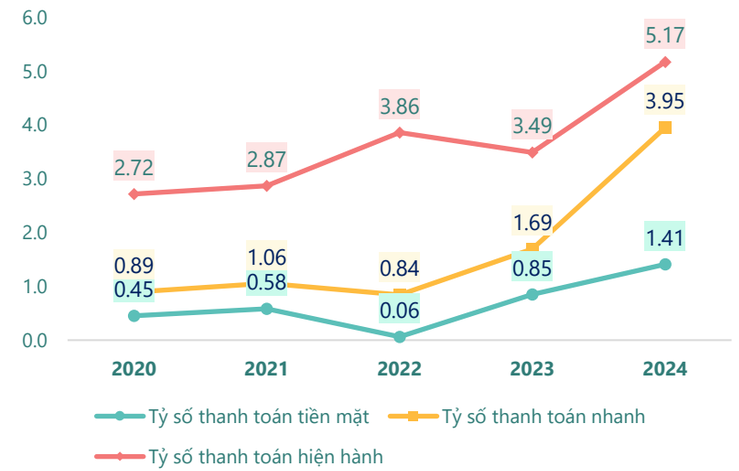
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



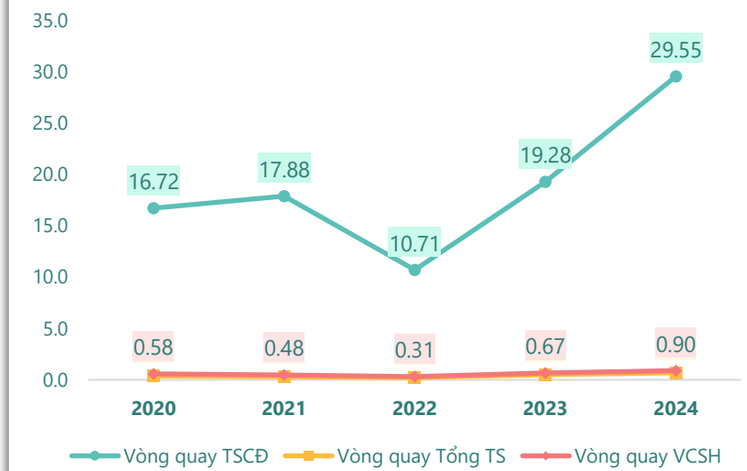
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



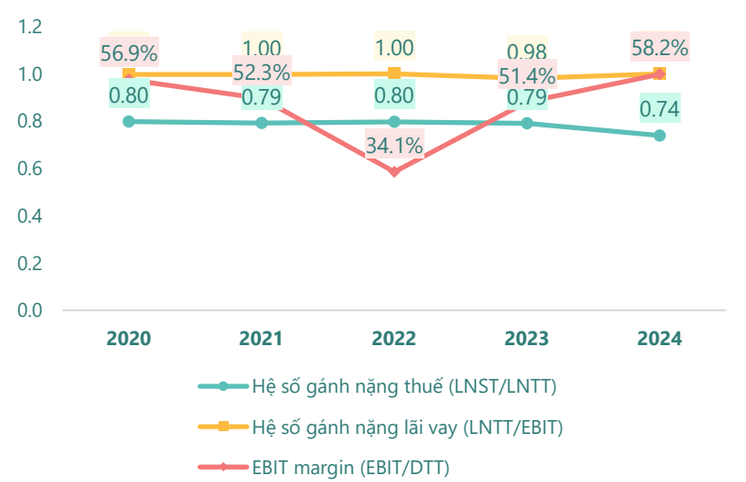
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



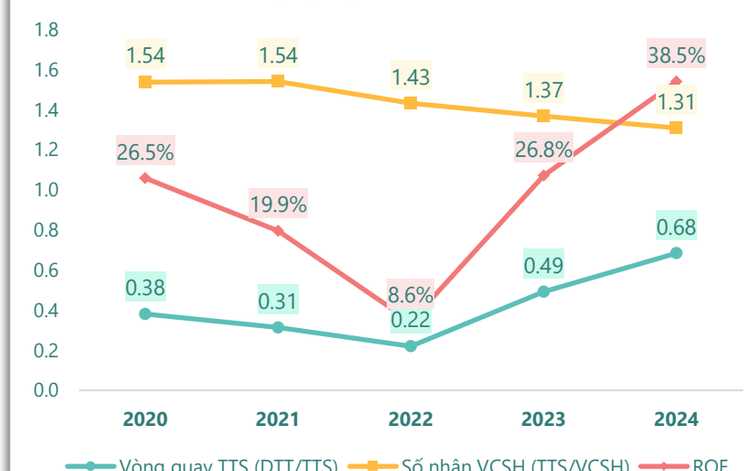
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



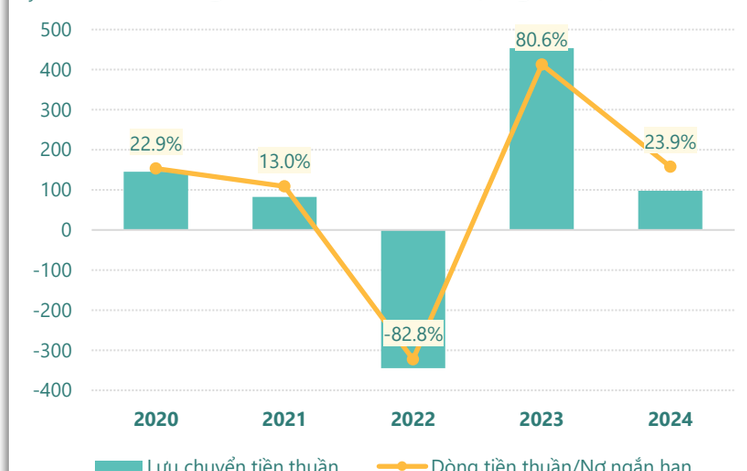
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.48**	**36.8**	**-90.5%**	**1,441**	**914**	**57.7%**
Giá vốn hàng bán	2.67	15.4	-82.7%	562	401	40.2%
Lợi nhuận gộp	0.81	21.4	-96.2%	880	513	71.3%
Doanh thu HĐTC	13.0	3.83	238%	47.3	2.32	1943%
Chi phí TC	-10.6	11.2	-194%	22.4	7.79	188%
Chi phí lãi vay	0	1.64	-100%	0.14	9.01	-98.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.09	0.34	-72.4%	0.86	1.58	-45.5%
Chi phí QLDN	**10.8**	**7.24**	**48.7%**	**50.5**	**28.7**	**75.8%**
LN thuần từ HĐKD	13.5	6.46	109%	853	478	78.6%
Lợi nhuận khác	**-4.43**	**0.18**	**-2562%**	**-14.1**	**-16.8**	**16.3%**
LN trước thuế	9.05	6.64	36.4%	839	461	82.1%
Lợi nhuận sau thuế	**6.35**	**5.28**	**20.3%**	**620**	**364**	**70.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.35**	**5.28**	**20.3%**	**620**	**364**	**70.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	131	-169	40.8	336	321	-381
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.07	0.04	2.39	-0.31	14.7	1.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-152	-150	0	-152	-146	0
Tiền đầu kỳ	37.6	479	161	204	387	577
Lưu chuyển tiền thuần	**-20.9**	**-319**	**43.2**	**184**	**190**	**-380**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.6	161	204	387	577	198

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,971**	**2,178**	**-9.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,912	2,118	-9.7%
Tiền và tương đương tiền	198	577	-65.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,086	935	16.2%
Phải thu ngắn hạn	116	105	11.0%
Hàng tồn kho	510	500	2.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.46	0.63	132%
Tài sản dài hạn	**58.9**	**60.3**	**-2.3%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	46.8	48.0	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.7	10.7	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.38**	**1.54**	**-10.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	207	420	-50.8%
Nợ ngắn hạn	**196**	**409**	**-52.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.27	5.30	-38.3%
Nợ dài hạn	10.9	10.9	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,764**	**1,758**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,764**	**1,758**	**0.4%**
Vốn điều lệ	1,220	1,220	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)